

Số: 19/2018/QĐST-DS.

Đắk Hà, ngày 02 tháng 7 năm 2018.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 6 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 21/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Th, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Tổ dân phố 3A, thị trấn Đ, huyện H, tỉnh T.

Bị đơn: Anh Lê Bá Đ, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Tổ dân phố 3B, thị trấn Đắk Hà, huyện H, tỉnh T.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về số tiền phải trả:** Anh Lê Bá Đ phải trả cho chị Phạm Thị Th số tiền là 200.000. 000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015: Kể từ khi quyết định này được ban hành, chị Phạm Thị Th (bên được thi hành án) có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Lê Bá Đ (bên phải thi hành án) không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, được tính như sau:

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của

Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

-Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Khoản 3 Điều 144; Khoản 3, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; Khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Lê Bá Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

Chị Phạm Thị Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là: 6.550.000 đồng (*Sáu triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng*), chị Th đã nộp theo biên lai số AA/2010/0009357 ngày 02 tháng 4 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ vụ án .

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đoàn Thị Kim Anh

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK HÀ
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Số: 04/2018/QĐST-DS.

Đăk Hà, ngày 06 tháng 02 năm 2018.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 29 tháng 01 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 17/2018/ TLST-DS, ngày 22 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn Toàn, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Tổ dân phố 4B, thị trấn Đăk Hà, huyện H, tỉnh T.

Bị đơn: Chị Đoàn Thị Loan, sinh năm 1977 và anh Võ Ngọc Sơn, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn Đăk Hà, huyện H, tỉnh T.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Chị Đoàn Thị Loan và anh Võ Ngọc Sơn phải trả phải trả cho ông Lê Văn Toàn số tiền 139.341.024 đồng (*Một trăm ba mươi chín triệu ba trăm bốn mươi*

một ngàn không trăm hai bốn đồng). Trong đó số tiền gốc là 121.945.000 đồng (Một trăm hai mươi một triệu chín trăm bốn mươi lăm ngàn đồng), số tiền lãi là 17.396.024 đồng (Mười bảy triệu ba trăm chín mươi sáu ngàn không trăm hai mươi bốn đồng).

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015: Kể từ khi quyết định này được ban hành, ông Lê Văn Toan (bên được thi hành án) có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Đoàn Thị Loan và anh Võ Ngọc Sơn (bên phải thi hành án) không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, được tính như sau:

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

***Về án phí dân sự sơ thẩm:** Áp dụng Khoản 3 Điều 144; Khoản 3, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; Khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Đoàn Thị Loan và anh Võ Ngọc Sơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.483.525 đồng (Ba triệu bốn trăm tám mươi ba ngàn năm trăm hai mươi lăm đồng).

Ông Lê Văn Toan không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 3.483.525 đồng (Ba triệu bốn trăm tám mươi ba ngàn năm trăm hai mươi lăm đồng) ông Toan đã nộp theo biên lai số AA/2010/0009319 ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;

THẨM PHÁN

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh T;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ vụ án .

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK HÀ
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Số: 14/2017/QĐST-DS.

Đắk Hà, ngày 07 tháng 6 năm 2017.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 30 tháng 5 năm 2017 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 18/2017/ TLST-DS, ngày 24 tháng 3 năm 2017.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Th, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Tổ dân phố 3A, thị trấn Đăk Hà, huyện H, tỉnh T.

Bị đơn: Chị Lê Thị Thùy, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn Đăk Hà, huyện H, tỉnh T.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Chị Lê Thị Thùy phải trả cho chị Phạm Thị Th số tiền là 227.910.000 đồng (*Hai trăm hai mươi bảy triệu chín trăm mười ngàn đồng*). Trong đó số tiền gốc là 213.000.000 đồng (*Hai trăm mười ba triệu đồng*), số tiền lãi là 14.910.000 đồng (*Mười bốn triệu chín trăm mười ngàn đồng*).

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015: Kể từ khi quyết định này được ban hành, chị Phạm Thị Th (bên được thi hành án) có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Lê Thị Thùy (bên phải thi hành án) không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, được tính như sau:

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

***Về án phí dân sự sơ thẩm:** Áp dụng Khoản 3 Điều 144; Khoản 3, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; Khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Lê Thị Thùy phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.697.750 đồng (*Năm triệu sáu trăm chín mươi bảy ngàn bảy trăm năm mươi đồng*).

Chị Phạm Thị Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 5.697.750 đồng (*Năm triệu sáu trăm chín mươi bảy ngàn bảy trăm năm mươi đồng*), chị Thanh đã nộp theo biên lai số AA/2010/0009188 ngày 24 tháng 3 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND cùng cấp;
- Chị cục THADS cùng cấp;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh T;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ vụ án .

THẨM PHÁN

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK HÀ
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Số: 14/2017/QĐST-DS.

Đắk Hà, ngày 07 tháng 6 năm 2017.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự ;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 23 tháng 3 năm 2017 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 17/2017/ TLST - DS, ngày 09 tháng 02 năm 2017.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Tá Tiến, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Thôn 11, xã Đăk Hring, huyện H, tỉnh T .

Bị đơn: -Chị Võ Thị Quyên, sinh ngày 16 tháng 4 năm 1998.

Địa chỉ: Thôn 11, xã Đăk Hring, huyện H, tỉnh T .

-Chị Võ Thanh Tuyền, sinh ngày 28 tháng 7 năm 2000.

Địa chỉ: Thôn 11, xã Đăk Hring, huyện H, tỉnh T .

Người đại diện hợp pháp cho chị Võ Thanh Tuyền: Ông Hoàng Xuân Năm, sinh năm 1955- Là bác ruột của chị Tuyền.

Địa chỉ: Xóm 20, xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Võ Tá Tiến và chị Võ Thị Quyên, chị Võ Thanh Tuyền và người đại diện hợp pháp cho chị Võ Thanh Tuyền là ông Hoàng Xuân Năm xác nhận tài sản chung của ông Võ Tá Tiến và chị Võ Thị Quyên, chị Võ Thanh Tuyền gồm có:

1. Một ngôi nhà cấp 4, móng xây gạch, tường xây gạch 10 có tô và quét vôi, nền xi măng, mái lợp tôn kẽm và phô xi măng, có diện tích 50 m², bao gồm: 01 phòng khách, 01 phòng ngủ và bếp liền kề được xây dựng vào tháng 5/1993 và diện tích đất ở tại nông thôn 257,3 m² tại thửa đất số 65, tờ bản đồ số 28. Nhà và đất ở tại thôn Kon Hnông Yóp (nay là thôn 11), xã Đăk Hring, huyện H, tỉnh T có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp nhà và đất của ông Ngô Xuân Lĩnh, có chiều dài 41,5m.
- Phía Nam giáp nhà và đất của bà Đinh Thị Phụng, có chiều dài 41,5m.
- Phía Tây giáp đất của ông Lê Văn Hoàng, có chiều rộng 6,2m.
- Phía Đông giáp đường quốc lộ 14, có chiều rộng 6,2 m. Trong đó, diện tích đất nằm trong quy hoạch đường Hồ Chí Minh là 254, 2 m².

Thửa đất trên đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 739446 ngày 15 tháng 7 năm 2011 mang tên ông Võ Tá Tiến và Võ Thị Quyên, Võ Thanh Tuyền, nhưng ngày 17/5/2016 Ủy ban nhân dân huyện H chỉnh lý biến động mang tên bà Võ Thị Quyên và bà Võ Thanh Tuyền. Trị giá nhà và đất là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

2. Đất nông nghiệp, diện tích 11.978 m², tại thửa đất số 09, tờ bản đồ số 195 ở tại thôn Đăk Kang Yốp (nay là thôn 11), xã Đăk Hring, huyện H, tỉnh T. Trên đất có trồng 800 cây cà phê vào năm 1999 đang kinh doanh phát triển tốt, đất có tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp đất rẫy của ông A Nun.
- Phía Tây giáp đất rẫy của ông Hoàng Văn Quỳnh.
- Phía Nam giáp đường lộ.
- Phía Bắc giáp đất rẫy ông Nguyễn Văn Hiền.

Thửa đất trên đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 739445 ngày 15 tháng 7 năm 2011 mang tên ông Võ Tá Tiến và Võ Thị Quyên, Võ Thanh Tuyền, nhưng ngày 17/5/2016 Ủy ban nhân dân huyện H chỉnh lý biến động mang tên bà Võ Thị Quyên và bà Võ Thanh Tuyền. Trị giá đất và tài sản trên đất là 507.800.000 đồng (*Năm trăm linh bảy triệu tám trăm ngàn đồng*).

Tổng giá trị tài sản chung của ông Võ Tá Tiến và chị Võ Thị Quyên, chị Võ Thanh Tuyền là: 707.800.000 đồng (*Bảy trăm linh bảy triệu tám trăm ngàn đồng*) Các đương sự thống nhất chia tài sản chung thành 03 phần, mỗi phần giá trị tài sản là 235.933.333 đồng (*Hai trăm ba mươi lăm triệu chín trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng*). Ông Võ Tá Tiến nhận tài sản bằng hiện vật, chị Võ Thị Quyên, Võ Thanh Tuyền nhận tài sản giá trị bằng tiền.

Ông Võ Tá Tiến được nhận: ngôi nhà cấp 4, móng xây gạch, tường xây gạch 10 có tô và quét vôi, nền xi măng, mái lợp tôn kẽm và prô xi măng, có diện tích 50 m², bao gồm: 01 phòng khách, 01 phòng ngủ và bếp liền kề được xây dựng vào tháng 5/1993 và quyền sử dụng đất ở tại nông thôn có diện tích 257,3 m² tại thửa đất số 65, tờ bản đồ số 28. Nhà và đất ở tại thôn Kon Hnông Yốp (nay là thôn 11), xã Đăk Hring, huyện H, tỉnh T, có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp nhà và đất của ông Ngô Xuân Lĩnh, có chiều dài 41,5m.
- Phía Nam giáp nhà và đất của bà Đinh Thị Phụng, có chiều dài 41,5m.
- Phía Tây giáp đất của ông Lê Văn Hoàng, có chiều rộng 6,2m.
- Phía Đông giáp đường quốc lộ 14, có chiều rộng 6,2 m. Trong đó, diện tích đất nằm trong quy hoạch đường Hồ Chí Minh là 254, 2 m² và diện tích đất nông nghiệp 11.978 m², tại thửa đất số 09, tờ bản đồ số 195 ở tại thôn Đăk Kang Yốp (nay là thôn 11), xã Đăk Hring, huyện H, tỉnh T. Trên đất có trồng 800 cây cà phê vào năm 1999 đang kinh doanh phát triển tốt, đất có tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp đất rẫy của ông A Nun.
- Phía Tây giáp đất rẫy của ông Hoàng Văn Quỳnh.
- Phía Nam giáp đường lộ.
- Phía Bắc giáp đất rẫy ông Nguyễn Văn Hiền.

Tài sản chung ông Võ Tá Tiến được chia, trị giá là 235.933.333 đồng (*Hai trăm ba mươi lăm triệu chín trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng*).

Ông Võ Tá Tiến phải trả cho chị Võ Thị Quyên phần tài sản chung, chị Quyên được chia là 235.933.333 đồng (*Hai trăm ba mươi lăm triệu chín trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng*).

Ông Võ Tá Tiến phải trả cho chị Võ Thanh Tuyền phần tài sản chung, chị Tuyền được chia là 235.933.333 đồng (*Hai trăm ba mươi lăm triệu chín trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng*).

Sau khi ông Võ Tá Tiến thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho chị Võ Thị Quyên và chị Võ Thanh Tuyền, ông Võ Tá Tiến có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Võ Tá Tiến thỏa thuận chịu số tiền là 860.000 đồng (*Tám trăm sáu mươi ngàn đồng*) về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nhưng được trừ vào khoản tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 860.000 đồng (*Tám trăm sáu mươi ngàn đồng*) ông Võ Tá Tiến đã nộp ngày 07 tháng 7 năm 2016, ông Võ Tá Tiến đã nộp đủ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Áp dụng khoản 2 điều 305 Bộ luật dân sự: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án (bên có nghĩa vụ) chậm trả tiền, thì còn phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán .

***Về án phí dân sự sơ thẩm:** Áp dụng Khoản 3 Điều 144; Khoản 3, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm b khoản 1, Khoản 3 Điều 24; Khoản 7, khoản 11 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Võ Tá Tiến phải chịu án phí theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản được hưởng là 5.898.333 đồng (*Năm triệu tám trăm chín mươi tám ngàn ba trăm ba mươi ba đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 6.500.000 đồng (*Sáu triệu năm trăm ngàn đồng chẵn*) ông Võ Tá Tiến đã nộp theo biên lai số AA/2010/0006365 ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh T. Ông Võ Tá Tiến được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 601.667 đồng (*Sáu trăm lẻ một ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng*).

Chị Võ Thị Quyên phải chịu án phí theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản được hưởng là 5.898.333 đồng (*Năm triệu tám trăm chín mươi tám ngàn ba trăm ba mươi ba đồng*).

Chị Võ Thanh Tuyền phải chịu án phí theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản được hưởng là 5.898.333 đồng (*Năm triệu tám trăm chín mươi tám ngàn ba trăm ba mươi ba đồng*).

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện H;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ .

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK HÀ

Thẩm phán

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK HÀ
TỈNH KON TUM**

Số: /2016/QĐST- DS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Đắk Hà, ngày tháng năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 82 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2015, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 66/2015/ TLST - HNGĐ, ngày 05 tháng 8 năm 2015. Về việc “*Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*”.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Duy Huệ, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ 1, phường Thắng Lợi, thành phố PleiKu, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Chị Phan Lê Vân, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Đắk Hà, huyện H, tỉnh T .

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Về thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:

Giao cho anh Nguyễn Duy Huệ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Thảo Vy, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2006 cho đến khi cháu Vy đủ 18 (mười tám) tuổi.

Chị Phan Lê Vân không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Việc nuôi con của anh Huệ không cố định. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 36/2012/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2012 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh T về phần giao con chung và cấp dưỡng nuôi con hết hiệu lực pháp luật.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Áp dụng khoản 3 Điều 128; khoản 3 Điều 131 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004, được sửa đổi, bổ sung năm 2011. Điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 24; khoản 11 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án kèm danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự phải chịu 100.000 đồng (*Một trăm ngàn đồng chẵn*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Duy Huệ nhận nộp số tiền này nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng chẵn*) theo biên lai số AA/2010/0006210 ngày 05 tháng 8 năm 2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh T. Anh Huệ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 100.000 đồng (*Một trăm ngàn đồng chẵn*).

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ .

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK HÀ
Thẩm phán

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK HÀ
TỈNH KON TUM**
Số: /2015/QĐST-DS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Đắk Hà, ngày 03 tháng 6 năm 2015.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 187 và Điều 188 của Bộ luật tố tụng dân sự ; Sửa đổi, bổ sung năm 2011.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 5 năm 2015, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 38/2015/ TLST - DS, ngày 19 tháng 5 năm 2015 .

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Phúc, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Tổ dân phố 11, thị trấn Đăk Hà, huyện H, tỉnh T .

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Nước, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Tổ dân phố 4B, thị trấn Đăk Hà, huyện H, tỉnh T .

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về số tiền phải trả:** Bà Nguyễn Thị Nước phải trả cho bà Nguyễn Thị Phúc nợ số tiền nợ là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*).

Áp dụng khoản 2 điều 305 Bộ luật dân sự: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án (bên có nghĩa vụ) chậm trả tiền, thì còn phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán .

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Áp dụng khoản 3 Điều 128; khoản 3 Điều 131 Bộ luật tố tụng dân sự; Sửa đổi, bổ sung năm 2011. Điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24; khoản 11 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án kèm danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị Nước phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 750.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi ngàn đồng*).

Bà Nguyễn Thị Phúc không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Phúc số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp **750.000**

đồng (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai số AA/2010/0006173 ngày 19 tháng 5 năm 2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh T.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện H;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ .

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK HÀ

Thẩm phán

